

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐỀ TÀI ĐTDL - 2005 /13 G
☞ ☐ ☞

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TẾ
(ĐỐI TƯỢNG SINH VIÊN ĐẠI HỌC)

Những người thực hiện:

1. Đại tá, PGS, TS Nguyễn Minh Khải
2. Đại tá, PGS, TS Phạm Xuân Hào
3. Trung tá, PGS, TS Nguyễn Bá Dương

HÀ NỘI - 2006

6361-12

6361-12
315707

MỤC LỤC

STT		Trang
1	Tổng quan kết quả điều tra	2
2	Phiếu trưng cầu ý kiến	7
3	Phần I. Một số thông tin về nhân khẩu	10
4	Phần II. Tổng quan về nội dung điều tra	12
5	Phần III. Tương quan so sánh ý kiến trả lời giữa các đối tượng	20

TỔNG QUAN KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

I. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU TRA

Thực hiện kế hoạch nghiên cứu, Ban Đề tài đã tiến hành điều tra, khảo sát thực tế ở các địa phương, đơn vị phía Nam.

1. Địa điểm, thời gian điều tra

- Địa điểm điều tra: Tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian: Tháng 4 & 5 Năm 2005.

2. Đối tượng, phương pháp điều tra

- Đối tượng: Sinh viên đại học

- Phương pháp điều tra: Phát phiếu trưng cầu ý kiến; cách tiến hành: chọn mẫu ngẫu nhiên.

3. Số lượng, cơ cấu mẫu

- Tổng số phiếu phát ra = 1200; thu về = 1150; xử lý 1100.

- Giới tính: Nam = 440 = 40,0%; Nữ = 660 = 60,0%;

- Năm thứ nhất: 791 = 71,9%; Năm thứ hai = 282 = 25,6%; Năm thứ ba, tư = 27 = 2,5%.

- Khối ngành đào tạo: Khoa học xã hội = 484 = 44,0%; Khoa học tự nhiên và ứng dụng = 341 = 31,0% Ngành khoa học khác = 263 = 23,9%; không trả lời = 12 = 1,1%.

- Khu vực sống của gia đình: Đô thị = 246 = 22,4%; nông thôn = 679 = 61,7%; vùng núi = 159 = 14,5%; không trả lời = 16 = 1,5%.

- Nghề nghiệp của Bố: Nông dân = 468 = 42,5%; Công nhân = 92 = 8,4%; công chức = 289 = 26,3%; nghề khác = 143 = 13,0%; không trả lời = 108 = 9,8%.

- Nghề nghiệp của mẹ: Nông dân = 510 = 46,4%; công nhân = 49 = 4,5%; công chức = 196 = 17,8%; khác = 286 = 26,0%; không trả lời = 59 = 5,4%.

- Học giáo dục quốc phòng tại trường = 230 = 20,9%; tại Trung tâm = 865 = 78,6%; không trả lời = 5 = 0,5%.

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

Kết quả điều tra được xử lý theo các cấp độ: Tổng quan và các tương quan: Giới tính, năm học, ngành học, quê quán, nghề nghiệp của bố, nghề nghiệp của mẹ.

Một số kết quả chủ yếu:

1. Về tác dụng của môn học

Trong tổng số sinh viên tham gia trả lời câu hỏi này, các ý kiến về tác dụng của môn học Giáo dục quốc phòng như sau: Hiểu sâu hơn về đường lối quân sự của Đảng = 912 = 82,9%; Hiểu sâu thêm về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa = 855 = 77,7%; Nhận thức rõ hơn về kẻ thù = 866 = 78,7%; Hiểu rõ thêm về vai trò của dân quân tự vệ = 718 = 65,3%; Hiểu thêm về truyền thống đánh giặc của dân tộc = 774 = 70,4%; Nâng cao kiến thức, kỹ năng quân sự = 880 = 80,0%; Nâng cao hiểu biết về quân đội = 697 = 63,4%; Củng cố niềm tin vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc = 750 = 68,2%; Hiểu rõ hơn trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc = 970 = 88,2% [trang 12 – 14].

Tính theo tương quan, về cơ bản không có sự chênh lệch lớn giữa các nhóm trong ý kiến đánh giá về tác dụng của môn học; Ví dụ: Hiểu sâu về đường lối: Tổng = 82,9%, sinh viên năm thứ nhất = 81,3%, năm thứ hai = 87,6%, năm thứ ba = 78,3% [trang 26].

2. Về nội dung môn học

Trong các nội dung của môn học Giáo dục quốc phòng (chia theo khối kiến thức): Đường lối quân sự, công tác quốc phòng, kỹ chiến thuật, sinh viên thích học nội dung về kỹ chiến thuật; tỷ lệ sinh viên thích học các nội dung như sau: Kỹ chiến thuật = 496 = 45,1%; Đường lối quân sự = 442 = 40,2%; Công tác quốc phòng = 139 = 12,6% [trang 15].

So sánh tương quan, có sự chênh lệch giữa các nhóm điều tra. Ví dụ: Theo năm học, năm thứ nhất thích học đường lối quân sự = 67,6%, năm thứ

hai = 47,9%, năm thứ ba = 30,4%; Năm thứ nhất thích học kỹ thuật quân sự = 77,2%, năm thứ hai = 36,9%, năm thứ ba = 26,1% [trang 56,57].

3. Đánh giá về tổ chức dạy học

- Về sự quan tâm của nhà trường: Tốt = 795 = 72,3%; bình thường = 209 = 19,0%; không tốt = 14 = 1,3%; khó trả lời = 57 = 5,2%; không trả lời = 25 = 2,3% [trang 15].

- Về tinh thần trách nhiệm của giáo viên: Tốt = 844 = 76,7%; bình thường = 185 = 16,8%; không tốt = 14 = 1,3%; khó trả lời = 33 = 3,0%; không trả lời = 24 = 2,2% [trang 15,16].

- Về năng lực sư phạm của giáo viên: Tốt = 761 = 69,2%; bình thường = 230 = 20,9%; không tốt = 12 = 1,1%; khó trả lời = 70 = 6,4%; không trả lời = 27 = 2,5% [trang 16].

- Về tinh thần học tập của sinh viên: Tốt = 327 = 29,7%; bình thường = 548 = 49,8%; không tốt = 121 = 11,0%; khó trả lời = 90 = 8,2%; không trả lời = 14 = 1,3% [trang 16].

- Về giáo trình, tài liệu phục vụ cho môn học: Tốt = 379 = 34,5%; bình thường = 522 = 47,5%; không tốt = 114 = 10,4%; khó trả lời = 44 = 4,0%; không trả lời = 41 = 3,7% [trang 17].

- Về dụng cụ phục vụ cho môn học: Tốt = 413 = 37,5%; bình thường = 541 = 49,2%; không tốt = 100 = 9,1%; khó trả lời = 26 = 2,4%; không trả lời = 20 = 1,8% [trang 17].

- Về sân bãi, thao trường: Tốt = 428 = 38,9% bình thường = 504 = 45,8%; không tốt = 120 = 10,9%; khó trả lời = 29 = 2,6%; không trả lời = 19 = 1,7% [trang 17].

Như vậy, trong các nội dung trên, các nội dung: tinh thần học tập của sinh viên, giáo trình, tài liệu, sân bãi (điều kiện bảo đảm cho dạy học) có tỷ lệ phần trăm tốt đánh giá ở mức không cao (dưới 40%).

4. Về dung lượng thời gian của môn học

Ý kiến đa số, giữ nguyên thời gian của môn học như hiện nay. Cụ thể:

- 672 = 61,1% sinh viên được điều tra khẳng định, dung lượng thời gian môn học như hiện nay là phù hợp. Tương tự như vậy, 492 = 44,7% sinh viên đề nghị giữ nguyên dung lượng thời gian môn học như hiện nay.

- Tuy nhiên, còn một số ý kiến cho rằng, nên rút ngắn thời gian = 215 = 19,5%; trong đó 179 = 16,3% sinh viên cho rằng thời gian môn học không phù hợp.

5. Các ý kiến đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Giáo dục quốc phòng

Trong các nội dung đưa ra thăm dò ý kiến: Đổi mới nội dung, đổi mới phương pháp, đảm bảo tài liệu học tập, tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm đủ sân bãi, thao trường, cho kết quả, nội dung tăng cường cơ sở vật chất có tỷ lệ phần trăm cao nhất [trang 18,19].

- Kiến nghị đổi mới chương trình, nội dung: Đồng ý = 489 = 44,5%; không đồng ý = 611 = 55,5%.

- Kiến nghị về đổi mới phương pháp dạy học: Đồng ý = 458 = 41,6%; không đồng ý = 642 = 58,4%.

- Kiến nghị về bảo đảm tài liệu học tập: Đồng ý = 512 = 46,5%; không đồng ý = 588 = 53,5%.

- Kiến nghị về tăng cường cơ sở vật chất: Đồng ý = 824 = 74,9%; không đồng ý = 276 = 25,1%.

- Kiến nghị về đảm bảo đủ sân bãi: Đồng ý = 624 = 56,7%; không đồng ý = 476 = 43,3%.

Phân tích theo các nhóm điều tra cho thấy có sự chênh lệch về tỷ lệ kiến nghị các nội dung, cụ thể:

- Về đổi mới chương trình, nội dung: Năm thứ nhất = 41,8%; năm thứ hai = 52,5%; năm thứ ba = 26,1% (tỷ lệ chung = 44,5%). So sánh, có sự chênh lệch về tỷ lệ giữa năm thứ hai và năm thứ ba (52,5% - 26,1%) [trang 108].

- Về đổi mới phương pháp dạy học: Năm thứ nhất = 41,8%; năm thứ hai = 41,5%; năm thứ ba = 30,4% (tỷ lệ chung = 41,6%). Như vậy, năm thứ ba có tỷ lệ thấp nhất so với năm thứ nhất, năm thứ hai [trang 113].

- Về tăng cường cơ sở vật chất cho dạy học, không có sự chênh lệch giữa các năm học. Cụ thể: Năm thứ nhất = 72,6%; năm thứ hai = 80,1%; năm thứ ba = 87,0% (tỷ lệ chung = 74,9%) [trang 118,119].

Đánh giá chung: Kết quả điều tra bằng Phiếu trưng cầu ý kiến đủ độ tin cậy, cho phép sử dụng làm tư liệu trong phân tích đánh giá thực trạng và kiến nghị các giải pháp đổi mới Giáo dục quốc phòng trong các trường đại học.

Phiếu số 2, Điều tra sinh viên**PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN**

Để đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục quốc phòng, đề nghị các bạn sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi mà chúng tôi nêu ra dưới đây. Các bạn đọc kỹ câu hỏi và trả lời đúng với suy nghĩ của mình theo nội dung từng câu hỏi.

Cách trả lời: Với câu hỏi đã có sẵn các ý trả lời, đồng ý với ý nào, các bạn đánh dấu X vào ô vuông bên phải; với câu hỏi khác, các bạn trả lời theo nội dung câu hỏi. Các bạn không ghi, ký tên mình vào phiếu.

Cảm ơn các bạn sinh viên đã tham gia trả lời câu hỏi!

1. Các bạn cho biết đôi nét về bản thân

- Bạn đang là sinh viên năm thứ (xin ghi rõ):
- Chuyên ngành đào tạo (xin ghi rõ):
- Bạn là: Nam Nữ
- Gia đình bạn ở tỉnh, thành (xin ghi rõ):
- Nghề nghiệp của Bố: _____ Nghề nghiệp của Mẹ: _____

2. Bạn đã được học môn Giáo dục quốc phòng ở trường cao đẳng, đại học chưa?

Đã học Chưa học

3. Bạn thích học môn Giáo dục quốc phòng tại trường hay tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng? Vì sao?

- Thích học tại trường
- Thích học tại Trung tâm giáo dục quốc phòng

Bạn cho biết lý do thích học tại trường hoặc tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng (xin ghi rõ ý kiến):

4. Môn học giáo dục quốc phòng đã giúp bạn hiểu thêm vấn đề gì sau đây?

- Hiểu sâu thêm về đường lối quân sự của Đảng
- Hiểu sâu thêm về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc
- Nhận thức rõ hơn về kẻ thù chống phá nước ta trong thời kỳ mới
- Hiểu rõ hơn vị trí, vai trò của dân quân tự vệ
- Hiểu sâu thêm về truyền thống đánh giặc của cha ông
- Nâng cao kiến thức, kỹ năng quân sự (bắn súng, cứu thương.v.v..)
- Nâng cao hiểu biết về anh bộ đội, về quân đội
- củng cố niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

- Hiểu rõ hơn trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của thanh niên, sinh viên

5. Trong chương trình môn học Giáo dục quốc phòng, nội dung nào bạn thích học nhất?

- Một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng
- Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng
- Một số nội dung kỹ thuật, chiến thuật bộ binh

6. Bạn cho biết ý kiến của mình về việc tổ chức dạy - học môn giáo dục quốc phòng cho sinh viên hiện nay?

Nội dung nhận xét	Mức độ đánh giá			
	Tốt	Bình thường	Không tốt	Khó trả lời
- Quan tâm của lãnh đạo nhà trường với môn học				
- Nhiệt tình, trách nhiệm của đội ngũ giáo viên				
- Năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên				
- Tinh thần học tập của sinh viên				
- Giáo trình, tài liệu phục vụ cho dạy - học				
- Dụng cụ phục vụ cho học tập				
- Sân bãi phục vụ cho học tập				

7. Theo bạn, thời gian dành cho môn Giáo dục quốc phòng đối với sinh viên hiện nay như thế nào?

- Phù hợp - Không phù hợp
- Giữ nguyên thời gian của môn học như hiện nay
- Nên rút ngắn thời gian môn học
- Nên tăng thêm thời gian cho môn học

8. Theo bạn, để nâng cao chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng cho sinh viên cần làm tốt giải pháp nào sau đây?

- Đổi mới, hoàn thiện nội dung môn học
- Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với môn học
- Đảm bảo đủ tài liệu học tập
- Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho dạy - học
- Đảm bảo đủ sân bãi, thao trường cho môn học
- Biện pháp khác (xin ghi rõ)

Cảm ơn các bạn sinh viên đã tham gia trả lời câu hỏi!

PHẦN I: MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ NHÂN KHẨU - XÃ HỘI

Giới tính của đối tượng điều tra

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Nam	440	40.0	40.0	40.0
	Nu	660	60.0	60.0	100.0
	Total	1100	100.0	100.0	
Total		1100	100.0		

Tình hình học môn GDQP

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Da hoc	810	73.6	73.6	73.6
	Chua hoc	290	26.4	26.4	100.0
	Total	1100	100.0	100.0	
Total		1100	100.0		

Sinh viên phân loại theo khóa học

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Nam thu nhất	791	71.9	71.9	71.9
	Nam thu hai	282	25.6	25.6	97.5
	Nam thu ba	23	2.1	2.1	99.6
	Nam thu tư	4	.4	.4	100.0
	Total	1100	100.0	100.0	
Total		1100	100.0		

NGANH Ngành học của sinh viên

Frequency Percent Valid Percent Cumulative Percent